

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C, TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-ST

Ngày: 24/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - + Ông **Nguyễn Văn Tám**
  - + Ông **Nguyễn Phước Tường**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Liêu** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Hương Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Q (T)**, sinh năm 1974, tại T.

- Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.
- Nghề nghiệp: Làm thuê.
- Trình độ văn hoá: 05/12.
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
- Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Huỳnh Thị H (đã chết).
- Bị cáo có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1981 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2004.
- Tiền sự: Không.
- Tiền án: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/9/2018 Nguyễn Văn Q bị Công an huyện C, tỉnh T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 110/QĐ-XPVPHC, xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/12/2019, chuyển tạm giam vào ngày 21/12/2019 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

\* **Bị hại**: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

\* **Người làm chứng**: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q và Lê Thị T là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2005, trong quá trình chung sống giữa Q và chị T phát sinh mâu thuẫn nên chị T nộp đơn xin ly hôn với Q tại Tòa án nhân dân huyện C, sáng ngày 09/8/2018, Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử, Hội đồng xét xử quyết định cho chị Lê Thị T được ly hôn với Nguyễn Văn Q, sau khi phiên tòa kết thúc trên đường về, Q nảy sinh ý định gây thương tích cho chị T nên ghé vào cây xăng ở khu vực chợ Cái Nứa thuộc xã Hậu Thành, huyện C, tỉnh T mua 5.000 đồng tiền xăng đổ vào một chai nhựa đem về nhà. Khoảng 12 giờ cùng ngày khi về đến nhà, Q đổ xăng vào một cái ca nhựa màu xanh, sau đó cầm theo ca xăng đi bộ lại nhà ông Lê Văn K, sinh năm 1958, thường trú ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T là cha ruột của chị T (cách nhà Q khoảng 50m) tìm chị T, lúc này chị T đang nằm nghỉ trên giường ở hành lang trong nhà ông K, Q định dùng xăng đốt gây thương tích cho chị T nhưng không nhìn thấy có ai ở nhà lo sợ không có người cứu chữa cho chị T nên Q bỏ về, khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, Q tiếp tục quay lại đem theo ca xăng đi đến giường chị T đang nằm tạt xăng vào vùng mặt của chị T rồi chồm người lên giường dùng tay trái đè lên người chị T, tay phải cầm hột quẹt nhưng chưa kịp bật lửa thì em của chị T là anh Lê Văn T chạy tới kéo Q ra, cùng lúc Q bật hột quẹt làm chị T bốc cháy. Anh T cùng với anh Lê Văn T, sinh năm 1988 là em của chị T dập lửa cho chị T và đưa chị T đến bệnh viện, còn Q đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày

18/12/2019 Nguyễn Văn Q bị bắt theo quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ của vụ án là: 01 cái áo bằng vải thun bị đốt cháy chưa hoàn toàn của chị Lê Thị T, 01 hột quẹt ga màu trắng có hình quả táo màu xanh, 01 ca nhựa có quay cầm được niêm phong.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 337/2018/TgT ngày 25/9/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế T kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Thị T là 34%, thương tích do phỏng lửa xăng gây nên.

Theo kết luận giám định số 826/C09B ngày 19/02/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố H kết luận: Trong ca nhựa màu xanh được niêm phong gửi giám định có tìm thấy thành phần xăng dầu.

Không hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu đã sử dụng hết cho công tác giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền điều trị là 25.000.000 đồng, chị T đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 48/CT-VKS, ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo **Nguyễn Văn Q** về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 06 đến 07 năm tù

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền điều trị là 25.000.000 đồng, chị T đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- 01 cái áo bằng vải thun bị đốt cháy chưa hoàn toàn là của chị Lê Thị T, chị T không yêu cầu nhận lại và xét thấy không còn giá trị sử dụng nên đề

ngợi Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 hột quẹt ga màu trắng có hình quả táo màu xanh là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Về trách nhiệm dân sự bị cáo xác định trong số tiền 25.000.000 đồng, có 7.000.000 đồng là của bị cáo, số còn lại là bị cáo đã tác động cha bị cáo bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả. Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo. Xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Lê Thị T trình bày do sự việc xảy ra quá nhanh, chị không xác định được bị cáo có đề lên người chị hay không. Chị thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, chị không có ý kiến tranh luận gì. Chị xác định về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có điều kiện làm ăn, lo cho cuộc sống ổn định, làm tròn trách nhiệm với các con và làm người công dân tốt.

- Người làm chứng anh Lê Văn T xác định: Do sự việc xảy ra quá nhanh anh không kịp ngăn cản gì bị cáo, khi anh chạy tới kéo bị cáo Q ra, cùng lúc bị cáo Q đã bật hột quẹt làm chị T bốc cháy.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và người làm chứng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

## **[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:**

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là vào khoảng 12 giờ 10 phút ngày 09/8/2018, tại nhà ông Lê Văn K, sinh năm 1958, thường trú ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T. Bị cáo đã có hành vi sử dụng xăng đốt gây thương tích cho chị Lê Thị T.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận bị cáo trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 337/2018/TgT ngày 25/9/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế T kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Thị T là 34%, thương tích do phỏng lửa xăng gây nên.

Do đó bản cáo trạng số: 48/CT-VKS, ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ vì do bức tức từ việc quyết tâm ly hôn của chị T và xuất phát từ sự ích kỷ cá nhân của bị cáo là muốn gây thương tích, hủy hoại khuôn mặt của chị T để chị T không thể kết hôn với người khác và đi làm xa mà bị cáo gây thương tích cho chị T. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh, xem thường sức khỏe, T mạng của người khác và xem thường pháp luật. Mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, bị cáo sử dụng thủ đoạn nguy hiểm. Bởi lẽ, bị cáo sử dụng xăng là hóa chất nguy hiểm để đốt nhằm gây thương tích hủy hoại nhan sắc của chị T. Chị T không những chịu tổn thương về cơ thể mà còn phải chịu tổn thương lâu dài về mặt tinh thần. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm và gây thiệt hại trực tiếp đến hại sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây lo ngại trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên vào ngày 27/9/2018 bị cáo Nguyễn Văn Q bị Công an huyện C, tỉnh T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số

110/QĐ-XPVPHC, xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”. Bị cáo chưa nhận được quyết định này do sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với chị T vào ngày 09/8/2018 bị cáo đã bỏ trốn, Công an huyện C chưa tổng đạt quyết định cho bị cáo nên không có cơ sở xem xét tiền sự đối với bị cáo nhưng xét về nhân thân thì bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy cần xem xét xử lý nghiêm.

**[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã nộp khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị hại có đơn xin bãi nại trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ vì do bức tức từ việc quyết tâm ly hôn của chị T và xuất phát từ sự ích kỷ cá nhân của bị cáo là muốn gây thương tích, hủy hoại khuôn mặt của chị T mà bị cáo gây thương tích cho chị T. Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 337/2018/TgT ngày 25/9/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế T kết luận ảnh hưởng thẩm mỹ tỷ lệ 21%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của chị T là 34%. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết “*phạm tội vì động cơ đê hèn*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Mặc dù, bị cáo quyết tâm thực hiện tội phạm nhưng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không bị sự can ngăn của người khác, cũng như không bị sự cản trở nào trong quá trình thực hiện tội phạm. Người làm chứng anh T xác định do sự việc xảy ra quá nhanh anh không kịp ngăn cản gì bị cáo, khi anh chạy tới kéo bị cáo Q ra, cùng lúc bị cáo Q đã bật hốt quẹt làm chị T bốc cháy. Đồng thời chị T cũng không xác định được bị cáo có đề lên người chị T để chị T không kháng cự hay bỏ chạy được hay không. Do đó bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*”

theo quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**[4] Về trách nhiệm dân sự:**

Chị Lê Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền điều trị là 25.000.000 đồng, chị T đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**[5] Về vật chứng:**

- 01 cái áo bằng vải thun bị đốt cháy chưa hoàn toàn của chị Lê Thị T, chị T không có yêu cầu nhận lại. Và 01 hột quẹt ga màu trắng có hình quả táo màu xanh là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 ca nhựa có quay cầm được niêm phong, đã sử dụng hết cho công tác giám định nên không hoàn lại đối tượng giám định. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**[6] Đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:**

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết “phạm tội vì động cơ đê hèn” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

**[7] Về án phí:**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ vào:**

- Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

- Xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 18/12/2019.

### **3. Về vật chứng vụ án:**

- Tịch thu tiêu hủy 01 cái áo bằng vải thun bị đốt cháy chưa hoàn toàn; 01 hộp quẹt ga màu trắng có hình quả táo màu xanh.

Tất cả vật chứng, tài sản trên hiện do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý (*theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/6/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C*)

### **4. Về án phí:**

Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

### **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/8/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

**6.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,



Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

**NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**